TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19/01/2022
Về việc:"không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYÊN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp
Các hội thẩm nhân dân:
1, Ông Nguyễn Bá Long
2, Ông Trần Xuân Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thụ lý số 351/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX- ST ngày 04/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST ngày 14 tháng 01 năm 2022 giữa.

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1960
Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1974
Đều cứ trú tại: Thôn n, xã V, huyện T,tỉnh Thanh Hóa, đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Văn Thanh trình bày: Ông và bà H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục địa phương, quá trình chung sống đã có hai con chung, chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai bên không còn tình cảm thương yêu nhau, bà H hay nghi nghờ ghen tuông, ông nhiều lần giải thích nhưng bà H không nghe, mâu thuẫn đã

được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai, nay ông xét thấy không còn tình cảm với bà H nữa, đời sống chung không thể kéo dài, ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông và bà H là vợ chồng.

Về con chung. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà H có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1999, các cháu đều đã thành niên, có việc làm ổn định, ở với ai tuy các cháu, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông Th không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày.

Về hôn nhân: Cơ sở hôn nhân giữa bà và ông Th như ông Th trình bày là đúng, bà cũng thừa nhận thời gian gần đây giữa bà và ông Th hay xảy ra to tiếng xúc phạm lẫn nhau, có lúc quyết liệt dẫn đến xô xát, hai người đã sống ly thân, nay ông Th làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Th là vợ chồng, bà cũng đồng ý vì giữa bà và ông Th không còn tình cảm với nhau nữa.

Về con chung: Quá trình sống chung bà và ông Th có hai con chung như ông Th trình bày là đúng, hai cháu đều đã thành niên, cháu Phương đã có gia đình ở riêng, cháu Linh đã có việc làm ổn định, ở với ai do cháu quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản và nợ chung: Bà cũng thống nhất như ý kiến ông Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát huyện Triệu Sơn phát biểu như sau:

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tư thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, 53 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Th, không công nhận quan hệ giữa ông Th và bà H là vợ chồng.

Về cái chung, tài sản nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Các đương sự đều cư trú tại thôn 3, xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Trần Thị H là quan hệ pháp luật về tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị H tự nguyện sống chung với như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn và kéo dài từ đó cho đến nay và ngày một trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên nghi ngờ ghen tuông lẫn nhau, bà H cũng thừa nhận việc này, do đó ông Th làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà H là vợ chồng là có cơ sở phù hợp với xác nhận chính quyền địa phương nơi cứ trú, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì " Nam nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng..." Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Th và bà H sống chung với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn là có căn cứ và quá trình sống chung hai ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, nay cả hai đều xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị H là vợ chồng

[2] Về con chung: Quá trình sống chung, ông Th và bà H có hai con chung cháu Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1999, cháu Ph đã có gia đình và ở riêng, cháu L đã 18 tuổi, có đủ khả năng lao động và

nhận thức nên việc ở với ai do cháu quyết định, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Th là người khởi kiện nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và các Điều 144, 147, 203, 220, 227, 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14,15,53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ông Nguyễn Văn Thanh, không công nhận ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị H là vợ chồng

Về con chung: Ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị H có hai con chung là Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị L, sinh năm 1999, đều trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động và nhận thức, ở với ai là quyền của các cháu, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 6390 ngày 30/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ông Th đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Đình Hợp

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND huyện Triệu Sơn;
-CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án, VP.